

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày : 16.6.2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Hà

2. Bà Lê Thị Sáu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 158/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Huỳnh Thị Thanh L**, sinh năm 1984

HKTT: Tổ 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Đồng Thị B**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà L, bà B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà L không có quan hệ họ hàng, anh em với bà B, quen biết nhau do cư trú cùng xã nên bà L cho bà B vay tiền, cụ thể như sau: Ngày 12/6/2018 cho vay số tiền 40.000.000 đồng, vay trả góp trong 22 ngày, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, bắt đầu trả góp từ ngày 13/6/2018 cho đến khi trả hết nợ. Giấy vay tiền trả góp do bà B tự viết, ký, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền vay tại nhà bà L. Sau đó bà B trả nợ góp được 01 ngày với số tiền 2.000.000 đồng, còn lại đến nay không trả nợ. Ngày

07/6/2021 cho vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Lý do bà L cho bà B vay tiếp vì bà B có hứa cắt đất cản trừ nợ cho bà. Nội dung giấy vay tiền do bà B tự viết, ký, ghi họ tên và nhận tiền tại nhà bà L, thời hạn vay là 01 tháng (07/6/2021 đến 07/7/2021), lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng 3%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi. Sau đó bà B không thực hiện trả nợ gốc và lãi như đã cam kết, mặc dù bà L đã đòi nợ nhiều lần. Bà B trả lãi cho bà L nhiều lần được 17.000.000 đồng, còn gốc không trả.

Bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà B phải trả cho bà L số tiền gốc đã vay tổng cộng là 238.000.000 đồng. Về lãi phát sinh đối với số tiền vay 38.000.000 đồng đã quá 03 năm bà L mới khởi kiện nên không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày vay 07/6/2021 đến ngày 16/6/2023 tạm tính là 24 tháng 09 ngày với lãi suất 1,67%/tháng: $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 81.162.000 \text{ đồng}$, trừ tiền lãi bà B đã trả cho bà L 17.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ là 64.162.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi bà L yêu cầu bà B trả là 302.162.000 đồng.

Bị đơn bà Đồng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của bà L nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/3/2023 nhưng không được vì nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà L trình bày khi vay tiền bà B có đưa cho bà giữ 01 giấy phép lái xe đứng tên Đồng Thị B (bản chính), nay bà đồng ý trả lại cho bà B tại phiên tòa. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng bà L giao tiền cho bà B 02 lần vào ngày 06 và ngày 07/6/2021, mỗi lần 100 triệu đồng, giao tại quán cà phê gần nhà bà B, đến ngày 07/6/2021 mới ghi giấy vay tiền. Trong giấy vay có ghi lãi suất theo thỏa thuận, bà L cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, do không rõ về lãi suất nên đồng ý tính lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 07/6/2021 đến ngày xét xử vụ án, các yêu cầu khác giữ nguyên như cũ.

Bà B trình bày: Đối với khoản vay trả góp 40 triệu đồng bà đã trả xong cho bà L thì bà L mới cho bà vay tiếp. Đối với khoản vay ngày 07/6/2021 thì bà vay nhiều lần và ngày này mới viết giấy nợ, số tiền nợ 200 triệu đồng là đúng, lãi bà L cho vay theo ngày 3.000 đồng/ngày/triệu, bà trả lãi cho bà L đến mùa cà phê năm 2022 thì không trả nữa còn gốc thì chưa trả. Các lần trả nợ cho bà L đều không có giấy tờ gì. Bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay gồm 238.000.000 đồng, bị đơn chịu lãi phát sinh trên số tiền 200 triệu đồng theo lãi suất 0,83%/ tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử, trừ vào số tiền 17.000.000 đồng tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Bà Huỳnh Thị Thanh L không có quan hệ họ hàng, anh em với bà Đồng Thị B, hai bên có quen biết nhau nên có phát sinh việc vay tiền, cụ thể như sau:

Tại 01 giấy không ghi tiêu đề, viết trên một mặt giấy kẻ ô ly vở học sinh hiệu “Tân Tiến” ngày 12/6/2018 thể hiện: Bà Đồng Thị B mượn góp tiền của bà Huỳnh Thị Thanh L, số tiền mượn góp là 40.000.000 đồng, góp trong thời hạn 22 ngày, mỗi ngày góp số tiền 2.000.000 đồng để trả nợ cho bà L. Như vậy theo giấy nợ trả góp nội dung như trên, số tiền gốc bà L đưa cho bà B vay là 40.000.000 đồng, trả góp trong 22 ngày và mỗi ngày là 2.000.000 đồng, thành tiền là 44.000.000 đồng, như vậy tiền lãi phát sinh là 4.000.000 đồng (lãi suất là 13,636%/tháng). Bà B trực tiếp vay, viết giấy vay, ký, ghi họ tên người vay “Đồng Thị B”. Bà L thừa nhận bà B trả góp được 01 ngày (13/6/2018) số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 38.000.000 đồng và yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Tuy lãi suất cho vay là cao so với quy định của pháp luật, tuy nhiên bà B chưa trả lãi, bà B cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã trả nợ gốc, nay bà L chỉ yêu cầu trả gốc nên Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và cần chấp nhận, cần buộc bà B có trách nhiệm trả số tiền gốc là 38.000.000 đồng.

Tại “giấy mượn tiền” ngày 07/6/2021 theo mẫu in sẵn trên khổ giấy A4, có chừa chỗ trống dấu chấm ghi nội dung vay tiền như sau: Bên cho vay tiền là bà Huỳnh Thị Thanh L, bên vay tiền là bà Đồng Thị B, số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 07/6/2021 đến 07/7/2021), lãi suất thỏa thuận, lý do vay làm ăn. Toàn bộ chữ viết bằng bút bi mực màu xanh từ dòng “Bên vay tiền” xuống đến chữ ký, chữ viết tên “Đồng Thị B” là của bà B viết, ký, ghi rõ họ tên. Đến nay bà B chưa trả số tiền trên cho bà L. Tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận có vay và còn nợ số tiền này chưa trả. Như vậy việc bà L cho bà B vay khoản tiền này có thật và bà B chưa trả nợ cho bà L. Vì vậy việc bà L khởi kiện để yêu cầu bà B trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi phát sinh, theo giấy vay có ghi lãi suất theo thỏa thuận. Bà L trình bày thực tế cho vay 3%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi, bà B trả lãi nhiều lần cho bà L được 17.000.000 đồng. Bà B trình bày lãi suất 3.000 đồng/ngày/01 triệu đồng và đã trả lãi đến mùa cà phê 2022 nhưng không có giấy tờ gì. Xét giấy vay không ghi lãi

suất cụ thể, các đương sự trình bày không thống nhất về lãi suất, bà L đồng ý tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần áp dụng để tính lãi: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 40.338.000 \text{ đồng}$, trừ vào số tiền bà B đã trả 17.000.000 đồng, tiền lãi còn lại buộc bà B phải trả cho bà L là 23.338.000 đồng. Bà B cho rằng đã trả lãi đến mùa cà phê 2022 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh là đã trả lãi nên không được chấp nhận. Tổng cả gốc các khoản vay và lãi cần buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà L là 261.338.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về giấy phép lái xe mô tô đứng tên Đồng Thị B (bản chính): Bà L đã trả cho bà B xong tại phiên tòa nên không đề cập đến.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 13.066.900 đồng ($261.338.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 168, 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh L đối với bà Đồng Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi tài sản*”.

Buộc bà Đồng Thị B phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh L số tiền 261.338.000 đồng (gồm tiền gốc 238.000.000 đồng, lãi phát sinh là 23.338.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đồng Thị B phải nộp 13.066.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Thanh L số tiền 6.811.000 đồng tại bên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009633 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy